

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST.

Ngày: 24/11/2019.

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,
buộc di dời tài sản trên đất; huỷ
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
và huỷ hồ sơ giao quyền quản lý, sử
dụng rừng và đất trồng rừng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung;
2. Ông Tổng Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (biệt phái theo quyết định số 260/QĐ-TCCB, ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc di dời tài sản trên đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và huỷ hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Triệu Hiệu (Hiếu) T, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm K, thôn K1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt.

Người được uỷ quyền: Ông Phạm Gia H, sinh năm 1964, trú tại Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Triệu Hiệu T: Ông Đặng Văn C thuộc Văn phòng Luật sư C - Đoàn Luật sư Hà Nội - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1973, trú tại: Xóm K, thôn K1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đặng Văn T1: Bà Lương Thị Hương L1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn - Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn:

+ Anh Triệu Tiên H1, sinh năm 1983 (con ông T) - Có mặt

+ Bà Đặng Thị M, sinh năm 1962 (vợ ông T) - Có mặt

+ Chị Triệu Thị P1, sinh năm 1987 (vợ anh L1) - Có mặt

+ Anh Triệu Tiên L1; sinh năm 1991 (con ông T) - Có mặt

+ Chị Triệu Thị M2, sinh năm 1984 (con ông T) - Có mặt;

+ Chị Đặng Thị M3, sinh năm 1989 (vợ anh D) - Có mặt;

+ Anh Triệu Tiên D, sinh năm 1985 (con ông Thắng) - Có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn:

+ Bà Triệu Thị M4, sinh năm 1971 (vợ ông T1) - Vắng mặt;

+ Anh Đặng Hiệu T, sinh năm 1994 (con ông T1) - Có mặt;

+ Đặng Hiệu N, sinh năm 1997 (con ông T1) - Có mặt;

+ Đặng Hiệu K sinh năm 1999 (con ông T1) - Có mặt;

+ Chị Đặng Thị M5, sinh năm 1993 (con ông T1) - Có mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm K, thôn K1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

+ Chị Đặng Thị N, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã K2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Chiến H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Triệu Hiệu (Hiếu) T trình bày:

Năm 2000, Hạt Kiểm Lâm, UBND xã T, huyện Đ có vận động gia đình ông Đặng Văn T1; địa chỉ: Xóm K, Thôn K1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, cắt bớt một phần diện tích đất nằm trong Hồ sơ giao đất quản lý và bảo vệ rừng và trồng rừng về để chia cho các hộ trong thôn K1, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để thực hiện Dự án Việt - Đức trồng cây Thông. Cũng trong thời gian đó gia đình được UBND huyện Đ cấp 01 lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 07; tờ bản đồ số 17; diện tích: 20.000 m². Từ khi giao đất gia đình ông T đã tiến hành dọn dẹp, phát tằm cây bụi để trồng cây thông, hằng năm gia đình vẫn thường xuyên chăm sóc bảo vệ cho đến khi được thu hoạch nhựa thông. Đến năm

2018, đã khai thác hết nhựa thông đối với số cây thông đã trồng từ năm 2000 và tiến hành cắt hết số cây thông đã trồng trên thửa đất được giao để bán gỗ và tiến hành dọn dẹp lại để trồng lúa thông mới thì xảy ra tranh chấp với hộ ông Đặng Văn T1 người cùng thôn K, xã T2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Đến tháng 11/2018, gia đình ông Đặng Văn T1 lại đến tranh chấp, cản trở không cho gia đình ông Triệu Hiệu T tiếp tục trồng cây nữa.

Còn hộ ông Đặng Văn T1 lấy lý do để đòi lại đất là hộ ông vào tháng 11 năm 1997 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng với diện tích 37,5 ha, đồng thời căn cứ vào Bản cam kết lập ngày 13/4/2000 với nội dung là các hộ (07 hộ) sau khi trồng rừng dự án Việt - Đức khi khai thác cây xong thì trả lại diện tích đất cho hộ ông Đặng Văn T1. Sau đó đã tiến hành trồng khoảng hơn 1.600 cây thông vào khoảnh đất đang tranh chấp.

Tại buổi hòa giải ngày 14/10/2019 và ngày 12/11/2019 hộ ông Triệu Hiệu T có yêu cầu: Nếu hai bên thỏa thuận được thì gia đình ông T đề nghị được chia đôi phần diện tích đất đang tranh chấp là 25.055 m² (theo như biên bản xem xét thẩm định của Tòa án đã tiến hành ngày 04 tháng 10 năm 2019) mỗi gia đình một nửa; nếu không được thì gia đình yêu cầu gia đình ông Đặng Văn T1 trả lại toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là 25.055 m² (theo như biên bản xem xét thẩm định của Tòa án đã tiến hành ngày 04 tháng 10 năm 2019) cho gia đình được quản lý, sử dụng và yêu cầu hủy Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đã cấp cho hộ ông Đặng Văn T1 và yêu cầu hộ ông Đặng Văn T1 di dời toàn bộ số cây thông đã trồng trên đất tranh chấp đi để trả lại đất cho gia đình ông Triệu Hiệu T.

Và nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản mà Tòa án đã tiến hành vào ngày 04/10/2019.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì yêu cầu mỗi gia đình phải chịu một nửa số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Phía bị đơn hộ ông Đặng Văn T1 trình bày:

Gia đình được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 460/QĐ-UB ngày 18/11/2019 (sổ bì xanh). Tổng diện tích đất được giao theo Quyết định là 37,5 ha, bao gồm đất quản lý rừng 21,5 ha và đất trồng rừng là 16 ha. Thửa đất hiện ông Triệu Hiệu T đang tranh chấp là một phần đất nằm trong tổng diện tích đất được giao.

Năm 2000, Nhà nước thực hiện triển khai trồng cây Thông theo Dự án Việt Đức. Hộ ông Triệu Hiệu T và 04 hộ dân khác, trồng rừng theo Dự án Việt Đức vào trong thửa đất đã giao cho hộ ông Thành và thời điểm đó đã có ý kiến là: Đất đã được giao sổ bì xanh, vì vậy 5 hộ dân trồng rừng nói trên khai thác cây Thông xong thì phải trả lại đất cho gia đình ông, khi ý kiến như vậy thì cả 5 hộ dân đều đồng ý sau này khai thác Thông xong sẽ trả lại đất. Việc ông T khởi kiện đến Tòa

án đòi đất đang tranh chấp gia đình không đồng ý và không nhất trí với ý kiến trình bày của gia đình anh Triệu Hiệu T là chia đôi số diện tích đất đó. Đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Triệu Hiệu T để trả lại đất cho gia đình ông T1.

Nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản mà Tòa án đã tiến hành vào ngày 04/10/2019.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Toà

Ý kiến của ông Phạm Gia H người được ông Triệu Hiệu T uỷ quyền: Hộ ông Triệu Hiệu (Hiếu) T yêu cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng 20.000 m² đất đang tranh chấp; buộc ông hộ ông Đặng Văn T1 phải di dời số cây thông đã trồng trên đất đang tranh chấp hoặc ông T mua lại số cây này theo định giá; huỷ một phần diện tích (20.000 m²) nằm trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đã cấp cho hộ ông Đặng Văn T1. Rút yêu cầu tranh chấp từ 25.055m² xuống còn yêu cầu giải quyết 20.000 m² và về chi phí tố tụng, bên nào thua kiện thì bên đó phải chịu chi phí tố tụng.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Yêu cầu của hộ ông Triệu Hiệu (Hiếu) T là có căn cứ chứng minh vì hồ sơ giao quyền quản lý không đúng trình tự, như việc biên bản giao đất rừng có trước khi có quyết định giao đất; đất được cấp theo chủ trương chính sách của Nhà nước là thực hiện theo dự án Việt - Đức vào năm 2000, trong đó khi họp thôn gia đình ông T1 cũng nhất trí và chính gia đình ông T1 được cấp hơn 1,2 ha theo dự án. Do vậy yêu cầu Toà án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Toà án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn.

Ý kiến của bên bị đơn: Không nhất trí trả lại đất đang tranh chấp là 20.000 m² cho nguyên đơn; yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Triệu Hiệu T là 20.000 m² đất đang tranh chấp; không chấp nhận di dời tài sản trên đất hoặc không nhất trí cho ông T mua lại số cây trên đất đang tranh chấp; bên nào khởi kiện thì bên đó phải chịu chi phí tố tụng.

Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bên bị đơn là ông Đặng Văn T1: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các căn cứ: Gia đình ông T1 đã được Nhà nước cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đã cấp cho hộ ông Đặng Văn T1 từ năm 1997 có tổng diện tích là 37,5 ha, từ khi giao đất gia đình vẫn thường xuyên quản lý và sử dụng và bảo vệ số cây tự nhiên; năm 2000 khi Nhà nước thực hiện dự án Việt - Đức hộ ông Triệu Hiệu T và 06 hộ dân khác trồng rừng theo dự án cam kết khi khai thác cây xong thì trả lại đất cho gia đình ông T1 theo bản cam kết lập ngày 13 tháng 4

năm 2000. Mặt khác việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không có đơn kê khai, chỉ được đăng ký trồng rừng dự án và từ đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa việc cấp đất cho ông T thì Ủy ban nhân dân huyện Đ chưa tiến hành thu hồi đất đã cấp cho ông T1 là không đúng trình tự theo quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993 là “*Việc quyết định giao đất đang có người khác sử dụng chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó*”. Từ phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu ông Triệu Hiệu T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi tranh chấp, trả lại toàn bộ diện tích đang chấp là 20.000 m² đất cho gia đình bị đơn sử dụng; tuyên huỷ toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho hộ ông Triệu Hiệu T số I 52920 ngày 04 tháng 8 năm 2019; về chi phí tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án miễn án phí cho bên bị đơn.

Ý kiến và quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện Đ: Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ một phần Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đã cấp cho hộ ông Đặng Văn T1.

Phát biểu của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thực hiện lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách của các đương sự, người tham gia tố tụng, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, thủ tục khai mạc phiên toà theo quy định tại các Điều 195, 196, 198; Điều 203, 220 và 239 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định tại Điều 63, quyết định tạm hoãn phiên toà theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm trước Hội đồng xét xử vào nghị án: Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và 234 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ hoặc có giấy uỷ quyền; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự; người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định.

Gia đình ông Triệu Hiệu T trồng thông theo dự án Việt - Đức trên một phần diện tích đất của ông Đặng Văn T1 được giao rừng thì được hưởng quyền lợi theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 162/1999/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hưởng lợi nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với yêu cầu rút một phần tranh chấp 5.055 m² đất tại phiên tòa đề nghị Tòa án áp dụng Điều 217, 244 đình chỉ giải quyết yêu cầu này; về 1.600 cây trồng trên đất tranh chấp yêu cầu của ông Triệu Hiệu T là có căn cứ buộc phải di dời, tuy nhiên Tòa án cần xác định chính xác số cây trên diện tích đất tranh chấp để có quyết định chính xác cho việc bảo đảm thi hành án; đối với yêu cầu huỷ Hồ sơ giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng: Việc giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng cho hộ ông T1 nhưng không đưa vào sử dụng và việc giao đất cũng chưa đúng trình tự thủ tục nên thuộc trường hợp phải thu hồi, nên có căn cứ huỷ một phần Hồ sơ giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng của ông Đặng Văn T1; đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Hiệu T: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đúng trình tự, thủ tục cho hộ ông Triệu Hiệu T, nhưng đất được giao theo dự án Việt - Đức theo quy định tại Điều 3 Quyết định 162 của Chính phủ nên không có căn cứ để huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Hiệu T, tuy nhiên đề nghị thu hồi để cấp lại; Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định và về án phí: Các đương sự là dân tộc thiểu số, có đơn đề nghị miễn án phí, nên đề nghị Tòa án miễn án phí cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Triệu Hiệu T yêu cầu hộ ông Đặng Văn T1 trả lại đất đã lấn chiếm, buộc di dời tài sản trên đất và huỷ Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng; còn ông Đặng Văn T1 yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp quyền sử dụng đất; buộc di dời tài sản trên đất; huỷ Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 9, 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn theo khoản Điều 34, 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 .

[2] Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp: Đất đang tranh chấp là đất trước đó đã được giao Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng đất trồng rừng cho hộ ông Đặng Văn T1 vào tháng 11 năm 1997 và sau đó thực hiện trồng rừng theo dự án Việt - Đức năm 2000 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Triệu Hiệu T với diện tích là 20.000 m².

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Hiệu T yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp là 25.055 m² và huỷ Hồ sơ giao

quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng và di dời tài sản trên đất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với diện tích 25.055 m² đất thì diện tích này gia đình ông Thắng đã sử dụng ổn định từ năm 2000 và đã trồng thông theo dự án Việt - Đức trên đất đó đến năm 2018 thì khai thác hết nhựa Thông và bán cây Thông đi hết để tiếp tục trồng cây thì mới xảy ra tranh chấp. Do đó yêu cầu này của ông Triệu Hiệu T có cơ sở để Toà án chấp nhận cho ông Thắng được quản lý sử dụng 20.000m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì: Vào thời điểm năm 2000 trước khi thực hiện dự án Việt - Đức thì cơ quan Hạt Kiểm lâm huyện Đ đã tiến hành họp tại xã T2 và họp tại thôn K1 để triển khai trồng rừng dự án. Trên cơ sở nhất trí của xã, thôn và các hộ đăng ký danh sách trồng rừng, Ban quản lý dự án tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành quy hoạch, khảo sát, thiết kế trồng rừng. Sau đó triển khai các nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của các hộ tham gia trồng rừng dự án là hộ nào đăng ký thì được giao đất, cấp cây con và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được mở sổ tiền gửi cho từng hộ gia đình tại Ngân hàng nông nghiệp huyện do vốn viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng tái thiết Đức, ngoài ra còn được cấp phân bón, gồm bón lót và bón thúc. Ngoài ra không có việc giải thích là sau khi trồng rừng dự án Việt - Đức năm 2000 xong sau khi khai thác gỗ thì trả lại đất cho chủ có Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng. Mặt khác ông Đặng Văn T1 xuất trình bản cam kết đề ngày 13/4/2000 là sau khi khai thác cây thì trả lại đất cho ông T1, bản cam kết này không có giá trị pháp lý vì là bản phô tô, không có chứng thực và Toà án đã yêu cầu ông T1 nộp bản gốc nhưng ông T1 không nộp, hơn nữa bản cam kết này không có chữ ký hoặc điểm chỉ của các hộ có tên trong bản cam kết vì thực chất bản cam kết này là do ông Đặng Thắng P1 là bố đẻ của ông Đặng Văn T1 lúc đó là Trưởng thôn tự lập và đều ký cùng một chữ. Mặc khác các hộ khác được cấp đất đều thừa nhận không được ký vào bản cam kết hoặc điểm chỉ như đã nêu trên. Do đó việc ông Đặng Văn T1 đòi lại đất đã cấp cho người khác là không có cơ sở để Toà án chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 5 Luật đất đai năm 2003 thì: *“Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu”*, còn tại khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 quy định *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Còn diện tích 5.055 m² vượt quá không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Hiệu T thì tại phiên toà ông T đã rút xuống còn yêu cầu quản lý, sử dụng 20.000 m², nên chấp nhận ý kiến này của ông Triệu Hiệu T và căn cứ vào Điều 217, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ yêu cầu này của ông Triệu Hiệu T.

[4] Về yêu cầu di dời tài sản trên đất là cây thông mới trồng hoặc được mua lại số cây này: Xét thấy yêu cầu mua lại là hợp lý và có căn cứ để Toà án chấp nhận vì đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Triệu

Hiệu T và yêu cầu quản lý đất của ông T được Toà án chấp nhận, do đó không cần thiết phải di dời số cây nêu trên như vậy không đảm bảo và tránh lãng phí. Nên chấp nhận cho hộ ông Triệu Hiệu T mua lại theo giá Nhà nước là 16.000 đồng/cây x với 1.600 cây = 25.600.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của hộ ông Triệu Hiệu T yêu cầu huỷ một phần Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng với diện tích 20.000 m², qua xem xét thẩm định ngày 18 tháng 12 năm 2019 thì 20.000m² đất có các cạnh ABCD1111 đều nằm trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đã giao cho hộ ông Đặng Văn T1 trong sơ hoạch có các điểm MNOABCDP, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ vì việc hồ sơ được giao chưa đúng trình tự, thủ tục như ngày lập biên bản giao nhận rừng và đất trồng rừng lập ngày 09 tháng 9 năm 1997, còn ngày ra quyết định giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng ban hành ngày 18 tháng 11 năm 1997. Như vậy là ngược trình tự. Mặt khác mặc dù khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 07 cho ông Triệu Hiệu T nhưng chưa có thu hồi một phần diện tích đất trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng của hộ ông Đặng Văn T1, nhưng trong quá trình họp tại xã, thôn để thực hiện dự án Việt - Đức đều được các hộ nhất trí, và để được trồng cây theo dự án thì cần phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới được thực hiện trồng rừng và đây là chủ trương của Chính phủ theo quyết định số 162/1999/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 8 năm 1999 và công văn số 318/K1-TCTTXDLL, ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn. Do vậy cần huỷ một phần diện tích trong hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng với diện tích 20.000 m² đã cấp cho hộ ông Đặng Văn T1.

[6] Đối với yêu cầu của ông Đặng Văn T1 huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 525920 cấp cho hộ ông Triệu Hiệu T1 có diện tích là 20.000 m². Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp đất này mặc dù chưa đúng trình tự thủ tục vì chưa có quyết định thu hồi một phần Hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng của hộ ông Đặng Văn T1. Hơn nữa trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là số thửa 07 tờ bản đồ số 17, nhưng qua thẩm định thì số thửa đất tranh chấp là thửa số 37 tờ bản đồ số 5 và diện tích thửa đất là 20.000 m² và diện tích đang tranh chấp là 25.055 m², trong đó diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Hiệu T là 20.000 m² và phần nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Hiệu T là 5.055 m², nhưng phần diện tích này nằm trong Hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng của hộ ông Đặng Văn T1. Nhưng theo ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Đ thì sở dĩ có hai tờ bản đồ khác nhau trên cùng một vị trí thửa đất là do năm 2000 thiết kế đất dự án Việt - Đức là tờ bản đồ số 17, thửa đất số 07, còn năm 2008 khi lập bản đồ địa chính là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 5 và diện tích thiết kế dự án Việt Đức diện tích là 30.000 m² và chỉ cấp sổ 20.000 m², trong quá trình trồng cây gia đình ông Triệu Hiệu T đã trồng vượt quá diện tích được cấp đất. Hơn nữa vào thời điểm năm 2000 trước khi thực hiện dự án Việt - Đức thì đã

tiến hành họp tại xã T2 và họp tại thôn K1 để triển khai trồng rừng dự án. Trên cơ sở nhất trí của xã, thôn và các hộ đăng ký danh sách trồng rừng, Ban quản lý dự án tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành quy hoạch, khảo sát, thiết kế trồng rừng. Sau đó triển khai các nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của các hộ tham gia trồng rừng dự án là hộ nào đăng ký thì được giao đất, cấp cây con và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được mở sổ tiền gửi cho từng hộ gia đình tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Đ do vốn viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng tái thiết Đức ngoài ra còn được cấp phân bón, gồm bón lót 199kg/ha và bón thúc 166 kg/ha. Do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Hiệu T là đúng đối tượng nếu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn cấp lại cho chính ông Triệu Hiệu T và như vậy mất thời gian, gây tốn kém không đáng có, như vậy là không cần thiết và không có căn cứ để huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 525920 đã cấp cho hộ ông Triệu Hiệu T như yêu cầu của ông Đặng Văn T1.

[7] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trường hợp đương sự phải chịu chi phí tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ nếu yêu cầu của hộ ông Đặng Văn T1 không được chấp nhận, do vậy hộ ông Đặng Văn T1 phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng này là 10.640.000 đồng.

[8] Về án phí: Do các bên đương sự là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9, 14 Điều 26, khoản 4 Điều 34, các điều 37, 39, 48, 49, 147, 157, 158, 165, 166, 235, 266, 217, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; các điều 5, 10, 50 Luật đất đai năm 2003; các điều 4, 5, 6, 17, 98, 202 và 203 Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết diện tích 5.055 m² đất tranh chấp giữa ông Triệu Hiệu (Hiếu) T và ông Đặng Văn T1.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Hiệu (Hiếu) T, cụ thể:

+ Hộ ông Triệu Hiệu (Hiếu) T có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 20.000m² thể hiện trong sơ hoạ ABCDD1I1 lập ngày 18 tháng 11 năm 2019 (có sơ hoạ kèm theo).

+ Huỷ một phần Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng của Hộ ông Đặng Văn T1 có diện tích 20.000 m² thể hiện trong sơ hoạ ABCDD1I1 lập ngày 18 tháng 11 năm 2019 (có sơ hoạ kèm theo).

+ Hộ ông Triệu Hiệu (Hiếu) T có quyền mua lại toàn bộ 1.600 cây Thông đã trồng trong diện tích đất 20.000 m² đất đang tranh chấp nằm trong sơ hoạ có các cạnh: ABCD D1I1 lập ngày 18 tháng 11 năm 2019 (có sơ hoạ kèm theo) với tổng số tiền 25.600.000 (hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Bác yêu cầu của ông Đặng Văn T1, cụ thể:

+ Bác yêu cầu của ông Đặng Văn T1 yêu cầu Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I525920 cấp ngày 01 tháng 8 năm 2000 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 lập năm 2000 tại Thôn K1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, nay nằm tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 5 lập năm 2008 tại Thôn K1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn thể hiện trong sơ hoạ ABCDD1I1 lập ngày 18 tháng 11 năm 2019 (có sơ hoạ kèm theo).

5. Về chi phí tố tụng (thẩm định và định giá):

Ông Đặng Văn T1 phải chịu số tiền là 10.640.000 (mười triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng để trả lại cho ông Triệu Hiệu T.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bên đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Triệu Hiệu (Hiếu) T số tiền tạm ứng án phí 3.818.000 đồng (ba triệu tám trăm mười tám nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/01537, ngày 18 tháng 7 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Triệu Hiệu T, ông Phạm Gia H, ông Đặng Văn C, bà Lương Thị Hương L, anh Triệu Tiến H1, chị Đặng Thị M, chị Triệu Thị P, anh Triệu Tiến L1, chị Triệu Thị M1, chị Đặng Thị M2, anh Triệu Tiến D, ông Đặng Văn T1, anh Đặng Hiệu T, anh Đặng Hiệu K, chị Đặng Thị M3, anh Đặng Hiệu N, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, bà Triệu Thị M4, chị Đặng Thị N. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- UBND huyện Đ;
- UBND xã T2, huyện Đ;
- CCTHADS tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vi Đức Trí